TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2018/HS-ST
Ngày 17-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮKMIL, TỈNH ĐẮKNÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Bảo và Ông Nguyễn Văn Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 80/2017/HSST, ngày 19 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn D**, sinh năm 1974; Nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm K, sinh năm 1932; Con bà: Phan Thị X, sinh năm 1932; Có vợ: Trương Thiên T, sinh năm 1984; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 18/10/2017 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Tấn Phiên**, sinh năm 1977; Nơi sinh: tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn K, (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T, (đã chết); Có vợ: Trần Thị Kim L, sinh năm 1984; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt)

3. Họ và tên: **Đoàn Quang T**, sinh năm 1965; Nơi sinh: tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Trú tại: tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đoàn Văn T, (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị L, (đã chết); Có vợ: Phan Thị T, sinh năm 1965; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1992; Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 18/10/2017 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt)

4. Họ và tên: **Nguyễn Khắc T**, sinh năm 1984; Nơi sinh: tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Trú tại: tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Khắc T, (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; Có vợ: Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1993; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 18/10/2017 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt)

5. Họ và tên: **Trần Công T**, sinh năm 1982; Nơi sinh: tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Công C, (đã chết); Con bà: Trần Thị T, sinh năm 1952; Có vợ: Hoàng Thị X, sinh năm 1987; Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 18/10/2017 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt)

6. Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh năm 1962; Nơi sinh: tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn K, (đã chết); Con bà: Hoàng Thị T, sinh năm 1920; Có vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1997; Bị bắt tạm giữ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 18/10/2017 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1965; Trú tại: tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trương Đình P, sinh năm 1949; Trú tại: tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

2. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984; Trú tại: thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Đăk Nông (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 00' phút ngày 14/10/2017, sau khi chơi bida tại nhà Đoàn Quang T thuộc tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Khắc T,

Trần Công T, Nguyễn Tấn P và Phạm Văn D rủ nhau chơi đánh bài xì tố ăn tiền và quy ước là mỗi người chơi phải có 500.000 đồng mới được tham gia thì được cả bọn đồng ý. Do không mang đủ tiền nên Nguyễn Khắc T mượn Đoàn Quang T 1.500.000 đồng thì được Đoàn Quang T đồng ý. Sau đó, Nguyễn Khắc T, Trần Công T, Nguyễn Tấn P và Phạm Văn D hỏi mượn phòng khách của gia đình Đoàn Quang T để chơi và được Đoàn Quang T đưa cho 28 lá bài tú lơ khơ để sử dụng vào việc đánh bạc.

Hình thức đánh bạc như sau: Sử dụng 28 lá bài gồm các lá bài 8, 9, 10, J, Q, K, A (Át) lấy ra từ bộ bài tú lơ khơ để đánh, không có người làm cái; quy định theo thứ tự lá bài 8 là nhỏ nhất và lớn nhất là lá bài A (Át); nếu các lá bài có cùng số thì tính theo chất, từ nhỏ đến lớn là bích, chuồn rô và cơ. Mỗi ván, mỗi người chơi đều phải đặt ra 20.000 đồng gọi là tiền "đường" và được người thắng ván bài trước chia cho 02 lá bài, lật ngửa lá bài rút đầu tiên để căn cứ vào độ lớn của lá bài xác định người được rút tiếp theo trước và đặt tiền cược (gọi là tiền tố), vòng tố đi ngược chiều kim đồng hộ; mức đặt cược tối thiểu là 20.000 đồng và không giới hạn tối đa. Sau khi rút bài, người tiếp theo có quyền "theo" (tức là đặt cược thêm tiền theo người trước đã tố) hoặc "bỏ bài" (tức là chịu thua ván đó và mất tiền đã cược trước đó) và cứ như vậy cho đến khi mỗi người chơi có được 05 lá bài thì kết thúc để lật bài tính điểm; người có tổng số điểm cao nhất thì thắng tất cả số tiền cược. Theo quy ước cách tính điểm theo thứ tự từ lớn đến nhỏ như sau: lớn nhất là có 04 lá bài cùng giá trị (gọi là tứ quý) và 01 lá bài khác giá trị; thứ hai là có 05 lá bài tạo thành một dãy liên tiếp cùng chất cùng màu từ lá bài 10 đến lá bài A (gọi là phi li); thứ ba là có 05 lá bài tạo thành một dãy liên tiếp từ lá bài 10 đến lá bài A khác chất, khác màu (gọi là suốt); thứ tư là có 03 lá bài cùng giá trị và 02 lá bài cùng giá trị (một đôi) gọi là (xẩu); thứ năm là có 03 lá bài cùng giá trị (ba con giống nhau) và 02 lá bài khác giá trị; thứ sáu là có hai đôi và 01 lá bài khác giá trị, thứ bảy là có một đôi và 03 lá bài khác giá trị; thứ tám có 05 lá bài đều khác giá trị. Nếu có hai người có bài giống nhau thì bài người nào có giá trị lớn hơn hoặc có chất lớn hơn thì sẽ thắng.

Sau khi thống nhất về hình thức đánh bạc, Nguyễn Khắc T, Trần Công T, Nguyễn Tấn P và Phạm Văn D ngồi trên 01 tấm vải màu xanh (có kích thước 2m x 1,2m, là tài sản của gia đình Đoàn Quang T (trải trên nền phòng khách nhà Đoàn Quang T để đánh bạc, có Trương Đình P và Nguyễn Xuân H ngồi xem. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, Phạm Văn T đến cùng tham gia đánh bạc với Nguyễn Khắc T, Trần Công T, Nguyễn Tấn P và Phạm Văn D. Trong khi đánh bạc, Trần Công T thua hết tiền nên hỏi mượn Đoàn Quang T thì Đoàn Quang T lấy 1.000.000 đồng từ Nguyễn Khắc T đưa cho Trần Công T mượn. Đến 01 giờ 15 phút ngày 15/10/2017 Công an huyện Đắk Mil bắt quả tang Nguyễn Khắc T và đồng bọn thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.670.000 đồng và 28 lá bài tú lơ khơ đã qua sử dụng.

Tại bản cáo trạng số: 03/CTr-VKS, ngày 18/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo Nguyễn Khắc T, Nguyễn Tấn P, Trần Công T, Phạm Văn D, Phạm Văn T và Đoàn Quang T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 của BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và không có bất cứ khiếu nại, ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

*/ Về hình phạt:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 của BLHS năm 1999, tuyên phạt các bị cáo Nguyễn Khắc T, Nguyễn Tấn P, Trần Công T, Phạm Văn D, Phạm Văn T và Đoàn Quang T mỗi bị cáo từ 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) đến 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

*/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41của BLHS năm 1999; Căn cứ Điều 106 của BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.670.000đ *(năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)* mà các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 28 lá (từ lá 8 đến lá A); 01 tấm vải màu xanh lá cây, kích thước 2m x 1,2m đã sử dụng làm công cụ dùng vào việc đánh bạc.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, việc bị truy tố về tội đánh bạc là đúng người, đúng tội, không oan sai nên các bị cáo không tranh luận gì. Các bị cáo trình bày lời sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Khắc T, Nguyễn Tấn P, Trần Công T, Phạm Văn D, Phạm Văn T và Đoàn Quang T đã khai nhận hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các

chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 14/10/2017 đến 01 giờ 15 phút, ngày 15/10/2017, Đoàn Quang T đã có hành vi giúp sức, cho sử dụng phòng khách của gia đình mình tại tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông để Nguyễn Khắc T, Nguyễn Tấn P, Trần Công T, Phạm Văn D, Phạm Văn T sử dụng làm địa điểm đánh bạc dưới hình thức xì tố sát phạt bằng tiền với số tiền luân chuyển trên chiếu bạc là 5.670.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng). Hành vi này của các bị cáo đã cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Khắc T, Nguyễn Tấn P, Trần Công T, Phạm Văn D, Phạm Văn T và Đoàn Quang T đã phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của BLHS năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Khoản 1 Điều 248 BLHS quy định.

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm".

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm hại đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Các bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, các bị cáo thừa biết rằng Nhà nước và pháp luật nghiêm cấm việc đánh bạc, gá bạc, cá độ trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật nhưng các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi xì tố được thua bằng tiền, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình gây ra. Trong vụ án này mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang nhau đồng phạm giản đơn. Do đó khi định tội, lượng khung hình phạt đối với các bị cáo không cần phải phân hóa vai trò phạm tội của từng bị cáo mà căn cứ vào số tiền các bị cáo dùng tham gia đánh bạc đề có mức phạt cho phù hợp.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Cả sáu bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa bị cáo đã thực sự tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mặt khác nhận thức của các bị cáo về hành vi đánh bạc còn giản đơn. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm sửa chữa lỗi lầm.

Về nhân thân các bị cáo: Xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này thì không có bất cứ vi phạm pháp luật gì, có địa chỉ cư trú rõ ràng, việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên HĐXX quyết định không cần cách ly các bị cáo ra khỏi môi trường xã hội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo trong vụ án đã dùng tiền vào mục đích đánh bạc, tuy nhiên số tiền mà các bị cáo luân chuyển trên chiếu bạc là không lớn, các bị cáo lần đầu phạm tội nên cần áp dụng Điều 30 BLHS xử phạt hình thức phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ để các bị cáo lao động, học tập trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41của BLHS năm 1999; Căn cứ Điều 106 của BLTTHS năm 2015:

- Đối với số tiền 5.670.000đ *(năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)* mà các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 28 lá (từ lá 8 đến lá A); 01 tấm vải màu xanh lá cây, kích thước 2m x 1,2m đã sử dụng làm công cụ dùng vào việc đánh bạc do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[5] Trong vụ án này còn một số vấn đề sau:

- Đối với bà Phan Thị T do không biết Đoàn Quang T cho các bị cáo sử dụng nhà của mình làm địa điểm đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với Trương Đình P và Nguyễn Xuân H ngồi xem, không tham gia vào việc đánh bạc nên không có căn cứ xử lý trước pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Khắc T, Nguyễn Tấn P, Trần Công T, Phạm Văn D, Phạm Văn T và Đoàn Quang T phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 30 của BLHS năm 1999.

Xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Khắc T, Nguyễn Tấn P, Trần Công T, Phạm Văn D mỗi bị cáo 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước

Xử phạt: Các bị cáo Phạm Văn T, Đoàn Quang T mỗi bị cáo 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41của BLHS năm 1999; Căn cứ Điều 106 của BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.670.000đ *(năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng)* mà các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 28 lá (từ lá 8 đến lá A loại nilon màu đỏ); 01 tấm vải màu xanh lá cây, kích thước 2m x 1,2m đã sử dụng làm công cụ dùng vào việc đánh bạc (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/12/2017 giữa Cơ quan công an huyện Đắk Mil và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Khắc T, Nguyễn Tấn P, Trần Công T, Phạm Văn D, Phạm Văn T và Đoàn Quang T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ĐắkNông;
-Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
-VKS ND huyện ĐắkMil;
-Đội điều tra Công an huyện Đắk Mil;
-Đội THAHS Công an huyện Đắk Mil;
-Bộ phận Nghiệp vụ CA huyện Đắk Mil;
-Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
-Bị cáo;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh